

Số: 129 /GPMT-UBND

Đồng Nai, ngày 20 tháng 9 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 437/CĐN-HCTH ngày 16 tháng 5 năm 2022; Văn bản số 770/CĐN-HCTH ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Văn bản số 451/CĐN-HCTH ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai về việc giải trình, bổ sung nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở "Cảng Gò Dầu B" tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 358/TTr-STNMT ngày 13 tháng 6 năm 2023 và Văn bản số 6919/STNMT-CCBVMТ ngày 29 tháng 8 năm 2023 về việc giải trình ý kiến thành viên UBND tỉnh đối với Giấy phép môi trường cảng Gò Dầu B của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai, địa chỉ tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Cảng Gò Dầu B" tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Cảng Gò Dầu B.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp: 3600334112 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 10 tháng 10 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 3600334112.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh dịch vụ cảng, cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe động cơ khác; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; bốc xếp hàng hóa; vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;...

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Tổng diện tích khu đất cơ sở 383.378,3 m²; trong đó diện tích đất là 364.041,1 m² và diện tích mặt nước là 19.337,2 m².

- Quy mô: Cơ sở nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô, công suất:

+ Cầu cảng số 1 tiếp nhận tàu có trọng tải 6.500 DWT; Cầu cảng số 2 tiếp nhận tàu có trọng tải 12.000 DWT; Cầu cảng số 3, số 4 và số 5 tiếp nhận tàu có trọng tải 30.000 DWT.

+ Hàng hóa qua cảng lớn nhất: hàng tổng hợp 8.000.000 tấn/năm.

+ Kho chứa và bãi tổng và các công trình phụ trợ diện tích 383.378,3m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải

dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 20 tháng 9 năm 2023 đến ngày 20 tháng 9 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai;
- Q. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân huyện Long Thành;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 129/GPMT-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh của công nhân viên tại cảng và đơn vị thuê kho bãi tại Cảng (phát sinh từ các nhà vệ sinh).
- Nguồn số 02: Nước mưa và nước rửa đường nhiễm bụi than số 1.
- Nguồn số 03: Nước dằn tàu.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sau xử lý được xả ra rạch Bà Riêu sau đó ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai.
- Nguồn số 02: Sông Thị Vải.
- Nguồn số 03: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý, không xả thải ra môi trường.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Nguồn số 01: Tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; Tọa độ: X = 1177603; Y = 420000 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰45, múi chiếu 3⁰).
- Nguồn số 02: Tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; Tọa độ: X = 1177514; Y = 419421 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰45, múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Nguồn số 01: 15 m³/ngày.
- Nguồn số 02: 37 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nguồn số 01: Tự chảy.
- Nguồn số 02: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Nguồn số 01: Liên tục, 24/24.
- Nguồn số 02: Liên tục, 24/24.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường cho từng mục đích sử dụng và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 40:2011/BTNMT, cột B cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 40:2011/BTNMT cột B	Tần suất quan trắc định kỳ
I	Nguồn số 01		$K_q = 0,9; K_f = 1,2$	
1	pH	-	5,5-9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ
2	Nhiệt độ	°C	43,2	
3	Màu	Pt/Co	162	
4	BOD ₅	mg/l	54	
5	COD	mg/l	162	
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	108	
7	Tổng Nitơ	mg/l	43,2	
8	Tổng Phốt pho	mg/l	6,48	
9	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,8	
10	Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	5.400	
II	Nguồn số 02		$K_q = 1,2; K_f = 1,0$	
1	pH	-	5,5-9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ
2	BOD ₅	mg/l	60	
3	COD	mg/l	180	
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	120	
5	Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	6.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của các đơn vị thuê kho bãi được thu gom và xử lý sơ bộ qua 08 bể tự hoại 03 ngăn với thể tích 30 m³/bể, riêng khu vực văn phòng và nhà ăn của Cảng được thu gom và xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại 05 ngăn với thể tích 50 m³/bể. Nước thải phát sinh toàn Cảng sau khi xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại sẽ được thu gom bằng đường ống nhựa uPVC đường kính 114mm về hệ thống xử lý nước thải công suất 15 m³/ngày để xử lý.

1.1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hồ ga thu gom → bể thiếu khí → bể hiếu khí có vật liệu đệm → bể lắng bùn sinh học → bể khử trùng → Thiết bị lọc áp lực → rạch Bà Riêu → sông Thị Vải.

- Công suất thiết kế: $15\text{m}^3/\text{ngày}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorin.

1.1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Thường xuyên theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để tăng khả năng thoát nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

1.2. Mạng lưới thu gom nước mưa nhiễm bụi than:

- Nước mưa từ mái nhà văn phòng, nhà kho, xưởng và nước mưa chảy tràn trên bề mặt đường giao thông nội bộ, khuôn viên được thu gom vào hệ thống thoát nước nội bộ của cơ sở. Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng bằng bê tông và có tấm đan che đậy có bề rộng $D = 200$; $D = 400$; $D = 500$; $D = 600$ theo phương thức tự chảy với tổng chiều dài 1.012 m, dọc tuyến thoát nước có bố trí các hố ga.

Nước mưa nhiễm bụi than từ quá trình rửa đường giao thông nội bộ do bụi, than bị rơi vãi trong quá trình xuất/nhập tại các lưu vực 3, 4, 5 sẽ được thu gom bằng tuyến mương thoát nước bê tông dạng hình thang (độ dốc $i = 0,5\%$, có bề rộng $D200$, $D = 400$, $D600$ đáy chống thấm sâu 0,5m) sau đó dẫn về cống tròn bê tông có bề rộng $D600$ gom nước mưa về bể thu gom số 1 rồi theo cống tròn $D600$ về bể thu gom số 2. Toàn bộ nước thải được gom về bể thu gom số 2 rồi được bơm xử lý tập trung nước mưa số 1, công suất $37\text{m}^3/\text{giờ}$ để xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, $K_q = 1,2$; $K_f = 1,0$) sau đó thải ra sông Thị Vải tại 01 vị trí xả thải.

Nước thải dằn tàu, nước giải nhiệt từ tàu thuyền (nước giải nhiệt sẽ được tuần hoàn). Toàn bộ nước thải được Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai giao cho Công ty TNHH Xử lý Môi trường Sạch Việt Nam thu gom, xử lý (theo Hợp đồng nguyên tắc về việc vệ sinh thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số 113-2017/HĐXLCT/MTSVN.T-CĐN ngày 31 tháng 8 năm 2017 kèm Phụ lục 02 ngày 01 tháng 9 năm 2021).

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước mưa nhiễm bụi than số 1:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước mưa → Bể thu gom → Bể điều hòa 2 ngăn → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng bùn hóa lý → Bể chứa trung gian → Bồn lọc áp lực → sông Thị Vải.

- Công suất thiết kế: $37\text{m}^3/\text{giờ}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorin, PAC, Polimer Anion.

1.2.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.2.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Thường xuyên theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để tăng khả năng thoát nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến khoảng 03 tháng, bắt đầu kể từ ngày cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải, công suất 15 m³/ngày.

- Hệ thống xử lý nước mưa nhiễm bụi than số 1, công suất 37 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nguồn số 1: Đầu vào của công trình xử lý nước thải tại bể thu gom nước thải; đầu ra của công trình xử lý nước thải tại điểm xả thải ra rạch Bà Riêu.

- Nguồn số 2: Đầu vào của công trình xử lý nước thải tại bể thu gom nước thải; đầu ra của công trình xử lý nước thải tại điểm xả thải ra sông Thị Vải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải: Công ty không thực hiện lấy mẫu (theo khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

- Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải); thông số quan trắc thực hiện theo giấy phép môi trường. Trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu liên tiếp thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở Cảng Gò Dầu B đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần a phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải, nước mưa nhiễm bụi than đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình

kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc.

3.4 Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể chứa nước thải, nước mưa đầu vào, bể chứa nước thải sau xử lý nhằm kịp thời phát hiện hư hỏng để khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.



Phụ lục 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 120/GPMT-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do dự án không phát sinh khí thải tại nguồn, không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường).

B. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán bụi.
- Có các biện pháp kiểm soát, giải thiểu bụi phát sinh trong quá trình hoạt động của Cảng.
- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xả khí thải ra môi trường.



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 129/GPMT-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh tiếng ồn:
 - + Nguồn số 01: Từ hoạt động xuất/nhập hàng hóa tại Cảng.
- Nguồn phát sinh độ rung: Không phát sinh.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 1: Tọa độ: X = 1177578; Y = 419436
(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰45, múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn phát sinh phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất. Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời các phương tiện giao thông phục vụ cơ sở; kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng cho các phương tiện giao thông.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 129/GPMT-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Khối lượng phát sinh: 1.580 kg/năm.

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	68	NH
2	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	Lỏng	95	NH
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 03	Lỏng	111	NH
4	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	Lỏng	134	NH
5	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	132	KS
6	Bao bì mềm	18 01 01	Rắn	18	KS
7	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	Rắn	15	KS
8	Bộ lọc dầu	15 01 02	Rắn	20	NH
9	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	72	NH
10	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước mưa nhiễm bụi than	12 06 05	Bùn	635	KS
11	Linh kiện thiết bị điện, điện tử thải (đèn led)	19 02 06	Rắn	20	NH
12	Pin thải	19 06 02	Rắn	10	NH
13	Nước thải lẫn dầu hoặc có các thành phần nguy hại	15 02 12	Lỏng	250	NH
Tổng cộng				1.580	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng phát sinh: 154.896 kg/năm

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Pallet gỗ hư hỏng	09 01 02	Rắn	1.102	TT-R
2	Bao bì, thùng carton, giấy loại bỏ từ văn phòng	09 03 04	Rắn	3.432	TT-R
3	Hộp mực in thải	08 02 08	Rắn	2	TT-R
4	Bùn nạo vét từ các hố ga, bùn từ bể tự hoại,	-	Bùn	215	-
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	12 06 12	Bùn	145	TT
6	Nước thải dẫn tàu, nước giải nhiệt từ tàu thuyền	-	Lỏng	150.000	-
Tổng cộng				154.896	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Số lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	2,2
2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	1,5
Tổng khối lượng		3,7

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Bố trí container có kích thước DxRxC = 06 m x 2,5 m x 2,5 m, thực hiện phân loại, dán mã chất thải nguy hại, lắp dấu hiệu cảnh báo, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy tại khu vực lưu giữ.

- Đối với nước thải có chứa các thành phần nguy hại được lưu chứa tại các hố gom chất thải của các đơn vị thuê kho bãi và liên hệ các đơn vị có chức năng đến thu gom xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 240lít đặt tại khuôn viên của Cảng và các đơn vị thuê kho bãi.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 240lít, 660 lít tại khu vực nhà vệ sinh, căn tin, văn phòng của cảng và các đơn vị thuê kho bãi.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn TCVN 6707:2009 về dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2. Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

3. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu; sự cố bục vỡ đường ống.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 129/GPMT-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Công ty tiếp tục thực hiện các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp cho cơ sở Cảng Gò Dầu B tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của dự án.

2. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.

3. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

4. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động trong quá trình hoạt động của cơ sở theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hoá chất và các quy định khác có liên quan đến hoá chất hiện hành.

6. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ủy ban nhân dân xã Phước Thái, Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.